TEST BỎNG

*Được xây dựng trên bài giảng của thầy Đinh Ngọc Sơn và tham khảo thêm quyển pretest*

1. **bỏng nông chiếm bao nhiêu phần trăm**
2. 60
3. 70
4. 80
5. 90
6. **nguyên nhân của bỏng**
7. nhiệt cao: nước sôi, bỏng xăng
8. bỏng do nhiệt thấp: nước đá, ni tơ lạnh
9. bỏng do tia lửa điện
10. bỏng do phóng xạ
11. tất cả đáp án trên
12. **cách tính diện tích bỏng theo Wallace, chọn sai**
13. đầu mặt cổ 9%
14. Một chi dưới 9%
15. thân mình phía trên 9% .2
16. hậu môn sinh dục 1%
17. **Một người lớn bị bỏng nước sôi,bỏng toàn bộ 2 chân và bộ phận sinh dục, phần trên cơ thể bình thường, theo cách tính của Wallace người đó bỏng bao nhiêu phần trăm**
18. 45
19. 36
20. 37
21. 19
22. **theo cách tính diện tích bỏng của Faust mỗi lòng bàn tay bệnh nhân được tính bằng bao nhiêu diện tích bỏng:**
23. 1%
24. 2%
25. 3%
26. 4%
27. **trẻ em càng nhỏ tuổi thì tỷ lệ đầu mặt cổ so với chi duoi so với chi người lớn**
28. càng nhỏ
29. càng lớn
30. giống nhau
31. tùy từng tuổi
32. **phần đầu mặt cổ chiếm bao nhiêu % diện tích bỏng, chọn sai**
33. 9% với người trưởng thành
34. 20% với trẻ mới đẻ
35. 13% với trẻ 1 tuổi
36. 10% với trẻ 10 tuổi
37. **Bỏng nặng là bỏng:**
38. trên 15% S cơ thể ở người lớn
39. 8% S cơ thể ở trẻ em
40. cả A, B đều đúng
41. cả A, B đều sai
42. **Phân loại độ sâu của bỏng dựa vào:**
43. Nguyên nhân bỏng: bỏng xăng sâu hơn bỏng nước sôi
44. thời gian bỏng: ngâm trong nước sôi thì nặng hơn bị dội thoáng qua
45. diễn biến lâm sàng
46. tất cả đều đúng
47. **bỏng nông gồm ,chọn câu sai**
48. là bỏng nhẹ, dễ khỏi
49. khi khỏi không để lại sẹo
50. bỏng độ 1: bỏng ở lớp sừng, chỗ da bỏng đỏ, rát , sau 2,3 ngày khỏi
51. bỏng độ 2: thương tổn lớp biểu bì: trên nền da đỏ, xuất hiện nốt phỏng nước chứa dịch trong, khi khỏi đáy vết bỏng để lại sẹo
52. **bỏng sâu là:**
53. bỏng nặng và rất nặng
54. Phá hủy tới lớp tế bào sừng
55. Để lại sẹo dúm dó
56. Đa số cần phải vá da
57. **chọn ý đúng về bỏng độ 3**
58. Phá hủy hết da, ăn tới tận cơ xương
59. nếu chăm sóc tốt vết bỏng không để lại sẹo
60. Rất dễ bị nhiễm khuẩn
61. Thường gặp bỏng điện thế cao, sét đánh, cháy nhà
62. **chọn một ý sai về bỏng độ 4**
63. Phá hủy hết da, ăn tới tận cơ xương
64. Có thể gặp cả một vùng chi bị cháy đen
65. Thử cảm giác đau thường rất đau
66. Thường gặp bỏng điện thế cao, sét đánh, cháy nhà
67. **Bỏng trung gian, chọn ý sai**
68. Lan tới một phần tế bào đáy( lớp nông, phần uốn lượn lên xuống)
69. Thường gặp bỏng nước sôi, chỗ có quần áo
70. Dù chăm sóc tốt cũng có nguy cơ nhiễm trùng cao
71. Tiến trien tốt có thể thành bỏng độ 2
72. **nghiệm pháp nào sau đây không dùng để chẩn đoán độ sâu của bỏng**
73. Thử cảm giác vùng da bị hoại tử bỏng
74. Cặp rút lông vùng hoại tử bỏng
75. Nghiệm pháp tuần hoàn vùng bỏng
76. Quan sát đáy tổn thương bằng kính hiển vi
77. **dùng tăm nhọn hoặc tăm bông để kiểm tra cảm giác da vùng bỏng, chọn ý đúng**
78. Nếu bỏng ở thượng bì: không biết đau
79. Bỏng trung bì: còn đau nhưng giảm
80. Bỏng sâu: đau sẽ tăng
81. cả 3 đáp án trên đều đúng
82. **Làm nghiệm pháp tuần hoàn vùng bỏng, nếu bỏng nông vùng da sẽ thay đổi như thế nào:**
83. màu tím dần
84. không thay đổi màu sắc
85. màu trắng dần
86. xuất huyết dưới da
87. **Tiên lượng bỏng dựa vào, điền vào chỗ trống**

**(4 ý)**

1. **Về tiên lượng bỏng , chọn ý đúng**
2. Bỏng đầu mặt tiên lượng nhẹ do nhiều mạch máu nuôi dưỡng
3. Bỏng hậu môn sinh dục dễ nhiễm khuẩn,
4. Bỏng bàn tay thường ít ảnh hưởng đến chức năng
5. Bỏng do nhiệt thường nặng hơn bỏng do hóa chất
6. **diễn biến thông thường của bỏng chia làm mấy giai đoạn**
7. **3**
8. 4
9. 5
10. 6
11. **Giai đoạn nguy hiểm nhất của bỏng là**
12. Sốc bỏng
13. Nhiễm độc cấp tính
14. Nhiễm trùng
15. Hồi phục hoặc suy kiệt
16. **Giai đoạn sốc bỏng diễn ra trong**
17. 24h đầu
18. 48h đầu
19. 36h đầu
20. 72h đầu
21. **Đặc điểm của giai đoạn sốc bỏng, chọn ý sai**
22. bệnh nhân kích thích, vật vã, lơ mơ, tri giác kém dần, có thể đi vào hôn mê
23. Giảm khối lượng tuần hoàn, huyết tương thoát ra ngoài lòng mạch, gây phù nề
24. cơ quan bị ảnh hưởng của sốc là não, gan, thận trong đó thận là nặng nề nhất
25. Xét nghiệm máu : Hct giảm, Toan chuyển hóa, tăng kali
26. **giai đoạn nhiễm độc cấp tính diễn ra từ ngày thứ mấy:**
27. 2
28. 3
29. 4
30. 5
31. **Đặc điểm của giai đoạn nhiễm độc cấp tính**
32. Nhiễm khuẩn, hấp thu những chất độc của tổ chức hoại tử
33. Sốt cao 40-41 độ, da lạnh, nổi vân tím
34. Viêm phối, rối loạn tiêu hóa
35. ure, creatinin máu bình thường , protein máu giảm
36. **Giai đoạn nhiễm trùng thường diễn ra**
37. từ tuần thứ 1
38. từ tuần thứ 2
39. từ tuần thứ 3
40. sau 10 ngày
41. **vi khuẩn thường gặp gây nhiễm trùng giai đoạn 2, chọn ý sai**
42. tụ cầu vàng
43. trực khuẩn mủ xanh
44. e.coli
45. Liên cầu tan huyết
46. **Điều trị cấp cứu ban đầu , chọn ý sai**
47. Giảm đau bằng morphin
48. Cởi bỏ quần áo, mũ
49. Không bôi bất cứ thứ gì, không rửa vết thương
50. Ngâm tay vào nước mát/ đá mỗi lần 20 phút, rồi rút lên, trong 2h
51. **Điều trị trong giai đoạn sốc bỏng, chọn đáp án SAI**
52. Truyền dịch ngay, tốt nhất là trong 8h đầu
53. vá da sớm tránh nhiễm trùng
54. vết phỏng nước to, chọc ở bờ cho thoát dịch
55. băng vết thương bằng gạc mỡ, tốt nhất là có kháng sinh
56. **tính lượng dich truyền cho bệnh nhân nặng 50kg, bỏng 40%, theo Evans**
57. 5 l
58. 6 l
59. 7 l
60. 8 l

**Một bệnh nhân nam 35 tuổi, tiền sử khỏe mạnh, nặng 70kg, bỏng diện rộng khoảng 60% diện tích cơ thể, đến viện vào giờ thứ 36.**

1. **bệnh nhân này đang trong giai đoạn**
2. sốc bỏng
3. Nhiễm độc cấp tính
4. Nhiễm trùng
5. Hồi phục hoặc suy kiệt
6. **thái độ xử trí tốt nhất cho bệnh nhân này là**
7. Truyền dịch ngay, tốt nhất là trong 8h đầu
8. vá da tự thân tránh nhiễm trùng
9. Điều trị kháng sinh phổ rộng
10. Chuyển bệnh nhân đến viện chuyên về bỏng càng sớm càng tốt
11. **lượng dịch cần truyền cho bệnh nhân này là,theo Evans**
12. 7l
13. 10l
14. 10,4l
15. 12l
16. **Chọn loại dịch truyền cho bệnh nhân này, chọn sai**
17. 2 l là huyết thanh ngọt đẳng trương 5%
18. 1/6 là máu, hoặc huyết tương
19. 1/3 là dung dịch Ringer lactate
20. 1/3 là huyết thanh mặn đẳng trương 9%
21. **Thời gian truyền dịch cho bệnh nhân này như thế nào, chọn sai**
22. 8h đầu truyền 5l dịch
23. xả nhanh hết dịch trong 12h đầu
24. Ngày thứ 2 truyền 5l
25. truyền dịch liên tục trong 4,5 ngày
26. **Điều trị trong giai đoạn nhiễm độc cấp tính**
27. hồi sức tốt, 2000-2500cal/ ngày
28. Bù dịch nhiều,thuốc vận mạch
29. vá da
30. Cắt bỏ mảng da hoại tử, băng VT bằng huyết thanh mặn
31. **Điều trị sau 2 tuần, chọn sai**
32. Vá da sớm để bảo vệ vết thương
33. Nâng cao thể trạng để da nhanh liền
34. dùng kháng sinh toàn thân liều cao
35. nhẹ, có thể cho ra viện
36. **một nam than niên 25 tuổi vào cấp cứu do bị lửa cháy kéo dài ở căn hộ của anh ta.Nhiệt độ rất cao và ban đỏ trên khuôn mặt, đầu chi trái, và ngực của anh ta, đầu chi phải bị cháy đen.Anh ta ở trong trạng thái kích động, hạ huyết áp, nhịp tim nhanh. điều nào sau đây là đúng liên quan đến việc kiểm soát ban đầu vết thương của bệnh nhân**
37. Không nên dùng kháng sinh khu trú vì nó sẽ làm phát triển các vi khuẩn kháng thuốc
38. cắt bỏ sớm các vết bỏng ở mặt và tay là vô cùng quan trọng
39. Cắt bỏ chỗ loét chỉ nên tiến hành khi sắp có nguy cơ gây tổn thương đến thần kinh
40. cắt bỏ những vùng bỏng độ 3 và độ 2 sâu thường tiến hành sau 3-7 ngày bị tổn thương
41. nên tiến hành ghép mô da ở những vùng bỏng da độ 3 ngay lập tức nhằm tránh mất dịch
42. **Điều trị nào sau đây là đúng với bệnh nhân bỏng trên?**
43. dự phòng bằng liều cao penicillin
44. dự phòng uốn ván là không cần thiết nếu bệnh nhân đã tiêm chủng trong 3 năm trước đó
45. Diện tích bỏng ước tính là 60% theo Wallace
46. dấu hiệu nhạy cảm nhất của việc phục hồi dịch đầy đủ là nhịp tim
47. bệnh nhân nên được đặt nội khí quản để bảo vệ đường thở và kiếm soát oxy

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | C | 8 | C | 15 | D | 22 | B | 29 | B | 36 | D |
| 2 | E | 9 | D | 16 | B | 23 | A | 30 | B | 37 | C |
| 3 | B | 10 | D | 17 | A | 24 | B | 31 | A | 38 | D |
| 4 | C | 11 | B | 18 |  | 25 | D | 32 | A | 39 | E |
| 5 | A | 12 | C | 19 | B | 26 | C | 33 | B | 40 |  |
| 6 | B | 13 | C | 20 | B | 27 | C | 34 | C | 41 |  |
| 7 | C | 14 | C | 21 | B | 28 | B | 35 | B |  |  |